



Mã nhận dạng 02530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm Đ1	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC				2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
2	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL				2.3	4.2	6.5	0012345678910	0123456789
3	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK		1	1.9	2.1	5.0		0012345678910	0123456789
4	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK				2.3	4.2	6.5	0012345678910	0123456789
5	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK				2.1	3.5	5.6	0012345678910	0123456789
6	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK		1	2.5	5.1	8.6		0012345678910	0123456789
7	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL				2.1	3.5	5.6	0012345678910	0123456789
8	17115005	Nguyễn Thị Bình	DH17GN				2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
9	17115008	Thái Khoa Chương	DH17GN				2.3	3.8	6.0	0012345678910	0123456789
10	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT				2.1	4.6	6.7	0012345678910	0123456789
11	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL				3	3.2	6.2	0012345678910	0123456789
12	17118018	Lê Công Danh	DH17CK				2.3	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
13	17115016	Nguyễn Thị Diệu	DH17GN				2.5	5.1	7.6	0012345678910	0123456789
14	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD		0.6	2.7	6.8	10		0012345678910	0123456789
15	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL				2.7	4.6	7.3	0012345678910	0123456789
16	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL				2.5	6.3	8.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			1	2.8	5.6	9.3	0012345678●10	012●456789
18	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC				0.8	2.8	3.6	0012●45678910	012345●789
19	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT				1.9	4.2	6.1	0012345●78910	0●23456789
20	17115014	Nguyễn Thị Thu	DH17GN				2	2.5	4.5	00123●5678910	01234●6789
21	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD				2.8	2.3	5.0	001234●678910	●123456789
22	17115030	Huỳnh Thị Bảo Hân	DH17GN				2.8	5.6	8.3	001234567●910	012●456789
23	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD				2.8	2.8	5.5	001234●678910	01234●6789
24	17115040	Lê Thị Kim Hoàn	DH17CB				2.1	3.5	5.6	001234●678910	012345●789
25	17118038	Đỗ Thanh Hoàng	DH17CK				2.5	3.9	6.4	0012345●78910	0123●56789
26	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL				2.3	3.2	5.5	001234●678910	01234●6789
27	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL				2.8	1.8	4.5	00123●5678910	01234●6789
28	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT				1.9	1.8	3.7	0012●45678910	0123456●89
29	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL		-1		2.6	3.5	5.1	001234●678910	0●23456789
30	17118046	Trần Khải	DH17CK				2	2.8	4.8	00123●5678910	01234567●9
31	17137034	Đỗ Thich Khang	DH17NL				2.2	2.5	4.7	00123●5678910	0123456●89
32	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK				1.9	2.5	4.4	00123●5678910	0123●56789



Mã nhận dạng 02530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT				2.8	3.5	6.2	0012345●78910	01●3456789
34	17115055	Nguyễn Xuân Kỳ	DH17CB				2.1	4.9	7.0	00123456●8910	●123456789
35	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK				2.1	2.1	4.2	00123●5678910	01●3456789
36	17115063	Trần Thị Mỹ Linh	DH17GN				2.4	4.2	6.6	0012345●78910	012345●789
37	17115067	Đoàn Thị Bạch Mai	DH17GN				2.4	3.9	6.3	0012345●78910	012●456789
38	17115071	Trần Kiến Nam	DH17GN				2.3	4.7	7.0	00123456●8910	●123456789
39	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL		1		2.8	3.9	7.6	00123456●8910	012345●789
40	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK				2.8	6.0	8.8	001234567●910	0123456●89
41	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD				2.8	4.2	7.0	00123456●8910	●123456789
42	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC		1		2.5	6.5	10	00123456789●	●123456789
43	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC				3	4.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
44	17115077	Lê Thị Thanh Nhi	DH17GN				2.4	2.8	5.2	001234●678910	01●3456789
45	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT				2.8	2.8	5.5	001234●678910	01234●6789
46	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC				2.3	1.1	3.4	0012●45678910	0123●56789
47	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK				2.1	4.2	6.3	0012345●78910	012●456789
48	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC				2.1	5.6	7.7	00123456●8910	0123456●89



Mã nhận dạng 02530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL				2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
50	17137058	Ngô Thành Quí	DH17NL				1.9	5.4	7.3	0012345678910	0123456789
51	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK				2.3	4.9	7.2	0012345678910	0123456789
52	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT				1.9	2.1	4.0	0012345678910	0123456789
53	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD				2.7	6.3	9.0	0012345678910	0123456789
54	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL		1		2.7	5.6	8.3	0012345678910	0123456789
55	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK				2.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789
56	17153062	Phan Minh Tâm	DH17CD				2.1	1.9	4.0	0012345678910	0123456789
57	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD		1		2.8	4.2	8.0	0012345678910	0123456789
58	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT				2.7	6.3	9.0	0012345678910	0123456789
59	17115098	Trần Thị Thanh	DH17GN				2.3	4.2	6.5	0012345678910	0123456789
60	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL		1		3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
61	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT				2	6.5	8.5	0012345678910	0123456789
62	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD				2.7	6.3	9.0	0012345678910	0123456789
63	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT				2.7	3.5	6.2	0012345678910	0123456789
64	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT				2.6	6.5	9.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL				1.9	3.2	5.1	001234●678910	0●23456789
66	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL				2.6	2.5	5.1	001234●678910	0●23456789
67	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL				2.3	6.7	9.0	0012345678●10	●123456789
68	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL				1.9	2.5	4.4	00123●5678910	0123●56789
69	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC				2.8	5.3	8.0	001234567●910	●123456789
70	17115125	Phan Võ Minh Trường	DH17GN				2.5	3.2	5.7	001234●678910	0123456●89
71	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC				2.3	1.1	3.4	0012●45678910	0123●56789
72	17115134	Trần Thị Hồng Vân	DH17GN				2	2.5	4.5	00123●5678910	01234●6789
73	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT				2.8	6.3	9.0	0012345678●10	●123456789
74	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD				2.1	6.7	8.8	001234567●910	01234567●9
75	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK				2.8	5.6	8.3	001234567●910	012●456789
76	17115136	Huỳnh Tùng Vũ	DH17GN				2.3	2.5	4.8	00123●5678910	01234567●9
77	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK				2.1	2.5	4.6	00123●5678910	012345●789
78	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD				3	3.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
79	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL				2.2	1.8	4.0	00123●5678910	●123456789
80	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC				3	6.8	9.8	0012345678●10	01234567●9



Mã nhận dạng 02530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH17NL_01 Tổ Thi 001_DH17NL_01 Tên CBGD Trương Quang Trường
Ngày Thi 07/01/2019 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi TV301

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi .. Số sinh viên vắng ..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

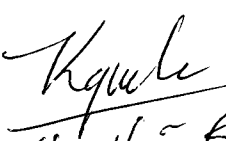
Cán bộ coi thi 2

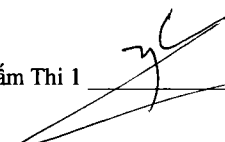
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trương Quang Trường


Lê Khắc Quý


Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02523

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CB_03

Tổ Thi 001_DH17CB_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 ±%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT					2.1	6.7	8.8	001234567●910
2	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT					2.8	6.7	9.5	0012345678●10
3	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD					2.6	4.6	7.2	00123456●8910
4	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CC					2	2.1	4.1	00123●5678910
5	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL					3	4	7.0	00123456●8910
6	17114008	Hà Thị Thuý	DH17CB					3	4.2	7.2	00123456●8910
7	17115015	Huỳnh Thị Ngọc	DH17GB			1		2.8	2.8	6.6	0012345●78910
8	17115019	Lê Thị Thùy	DH17GB					2.2	1.4	3.6	0012●45678910
9	17115020	Trần Thị Mỹ	DH17GB			1		2.4	6.1	9.5	0012345678●10
10	17154022	Đình Nguyễn Đình	DH17OT					2.8	3.9	6.6	0012345●78910
11	17153023	Nguyễn Hùng	DH17CD					2	3.5	5.5	001234●678910
12	17115024	Lê Thị Mỹ	DH17GN					2.8	4.2	7.0	00123456●8910
13	17115025	Nguyễn Nữ Kim	DH17CB					2.2	3.5	5.7	001234●678910
14	17115021	Nguyễn Nhật	DH17CB					2.6	3.9	6.5	0012345●78910
15	17115011	Nguyễn Tấn	DH17GN					2.9	2.1	5.0	001234●678910
16	17154013	Phạm Thành	DH17OT					2.8	6.1	8.8	001234567●910



Mã nhận dạng 02523

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CB_03

Tổ Thi 001_DH17CB_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154023	Nguyễn Hoàng Trường	Giang	<i>Giang</i>			2.8	4.9	7.6	00123456●8910	012345●789
18	17118031	Trần Thanh	Giang	<i>ta</i>			2	3.5	5.5	001234●678910	01234●6789
19	17153024	Đặng Minh	Hải	<i>Hải</i>			3	4.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
20	17115029	Nguyễn Khắc	Hải	<i>kh</i>		0.5	2.8	5.3	8.5	001234567●910	01234●6789
21	17118032	Trần Hoàng	Hân	<i>Ca</i>			2.8	3.5	6.2	0012345●78910	01●3456789
22	17153026	Nguyễn Trường	Hân	<i>huan</i>			3	4	7.0	00123456●8910	●123456789
23	17137019	Tô Công	Hậu	<i>hoy</i>			2.8	3.5	6.3	0012345●78910	012●456789
24	17154027	Lê Hồng	Hiếu	<i>hieu</i>		0.6	2.8	6.8	10	00123456789●	●123456789
25	17115036	Nguyễn Đức	Hiếu	<i>th</i>			2.8	1.8	4.5	00123●5678910	01234●6789
26	17154029	Phan Thanh	Hiếu	<i>th</i>			2	1.8	3.8	0012●45678910	01234567●9
27	17115038	Vương Thị Thanh	Hoa	<i>thuc</i>			2.5	3.5	6.0	0012345●78910	●123456789
28	17115044	Sỹ Quang	Hùng	<i>huan</i>			1.9	2.1	4.0	00123●5678910	●123456789
29	17154036	Hà Quang	Huy	<i>Quang</i>		1	2.8	3.9	7.6	00123456●8910	012345●789
30	17137033	Phan Đình	Huỳnh	<i>thinh</i>			2	1.1	3.1	0012●45678910	0●23456789
31	17115046	Nguyễn Thanh	Hương	<i>thuy</i>			2.5	2.8	5.3	001234●678910	012●456789
32	17154038	Lê Tuấn	Khang	<i>Khang</i>			2.2	2.8	5.0	001234●678910	●123456789



Mã nhận dạng 02523

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CB_03

Tổ Thi 001_DH17CB_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT	khánh			28	19	4.8	0012345678910	012345689
34	17115052	Lê Văn Khoa	DH17GN	khao			29	56	8.5	0012345678910	012346789

Số sinh viên dự thi 34. Số sinh viên vắng 0...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hien

Nguyễn Trần Phú

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02524

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CB_03

Tổ Thi

002_DH17CB_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137036	Nguyễn Đăng	Khôi	DH17NL				2.8	0	2.8	00103456789100123456709
2	17137037	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH17NL				2.8	3	5.8	00123406789100123456709
3	17115059	Nguyễn Thị	Lệ	DH17CB				3	5.3	8.3	00123456709100120456789
4	17153042	Nguyễn Quang	Linh	DH17CD				3	6	9.0	00123456780100123456789
5	17115066	Trần Thanh	Long	DH17CB			1	2.7	6.1	9.8	00123456780100123456709
6	17137040	Hồ Quốc	Lộc	DH17NL				2.8	2.8	5.6	00123406789100123450789
7	17137042	Ngô Nguyễn Hữu	Lộc	DH17NL				2.4	2.3	4.7	00123056789100123456089
8	17154053	Phan Tấn	Lộc	DH17OT				2.4	4.6	7.0	00123456089100123456789
9	17137043	Trương Đức	Lộc	DH17NL				3	4.6	7.6	00123456089100123450789
10	17115068	Dương Thị Quỳnh	Mai	DH17GN			1	2.1	1.9	5.0	00123406789100123456789
11	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	Mi	DH17CK				2.7	3.9	6.6	00123450789100123450789
12	17114031	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	DH17CB				3	5.3	8.3	00123456709100120456789
13	17118061	Đào Phương	Nam	DH17CK			1	2.7	3.3	7.0	00123456089100123456789
14	17154057	Trần Văn Hoài	Nam	DH17OT			1	2.7	5.6	9.3	00123456780100120456789
15	17153047	Nguyễn Trung	Nghĩa	DH17CD				2.5	2.3	4.8	00123056789100123456709
16	17118070	Trần Trọng	Nhân	DH17CC				1.5	4	5.5	00123406789100123406789



Mã nhận dạng 02524

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CB_03

Tổ Thi 002_DH17CB_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD				2	1.8	3.8	001245678910	012345679
18	17115075	Bùi Thị Yến	DH17GB				28	6	8.8	001234567910	012345679
19	17115078	Nguyễn Thị	DH17GB				25	4.8	7.2	001234568910	013456789
20	17115079	Nguyễn Thị Quỳnh	DH17GN				25	3.3	5.8	001234678910	012345679
21	17115080	Dương Ngọc	DH17GB				23	4.9	7.2	001234568910	013456789
22	17153054	Dương Trung	DH17CD				3	1.4	4.4	001235678910	012356789
23	17115082	Võ Nguyên	DH17CB				28	6.3	9.0	001234567810	123456789
24	17118078	Nguyễn Lê	DH17CK		1		24	2.8	6.2	001234578910	013456789
25	17154070	Nguyễn Thanh	DH17OT				25	5.3	7.8	001234568910	012345679
26	17153055	Trương Hoàng	DH17CD				24	4.2	6.6	001234578910	012345789
27	17115083	Hồ Trọng	DH17GB		1		3	5.1	9.1	001234567810	023456789
28	17114043	Lê Gia	DH17CB				25	3.2	6.0	001234578910	123456789
29	17115085	Lê Thị	DH17CB				26	4.2	6.8	001234578910	012345679
30	17115086	Lương Văn	DH17GN				3	1.5	5.5	001234678910	012346789
31	17137055	Nguyễn Nhật	DH17NL				26	3.9	6.5	001234578910	012346789
32	17115088	Nguyễn Tấn	DH17CB				1	2.1	2.1	001345678910	023456789



Mã nhận dạng 02524

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CB_03

Tổ Thi

002_DH17CB_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC				2.8	1.6	4.3	0012345678910	0123456789
34	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT				2.4	5.6	8.0	0012345678910	0123456789
35	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
36	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT				2.5	3.2	5.7	0012345678910	0123456789
37	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			1	2.5	6.3	9.8	0012345678910	0123456789
38	17115093	Đặng Hoàng Tấn	DH17CB				2.2	3.5	5.7	0012345678910	0123456789
39	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC				2.8	4.9	7.6	0012345678910	0123456789
40	17115094	Đinh Văn Thái	DH17CB			0.3	2.8	7	10	0012345678910	0123456789
41	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK				1.9	5.6	7.5	0012345678910	0123456789
42	17115100	Bùi Thị Thu Thảo	DH17GB				2.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789
43	17115096	Nguyễn Thái Hoàng Thân	DH17GN		1		2.2	3.5	6.7	0012345678910	0123456789
44	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK				2.1	1.1	3.2	0012345678910	0123456789
45	17115101	Quảng Thị Lâm Thi	DH17CB				2.8	3.7	6.5	0012345678910	0123456789
46	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK				2.8	4.7	7.5	0012345678910	0123456789
47	17115103	Nguyễn Thị Thiết	DH17CB				1.8	2.8	4.5	0012345678910	0123456789
48	17114053	Mai Thị Thúy	DH17CB				3	6	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02524

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CB_03

Tổ Thi

002_DH17CB_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

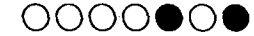
09:45

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL				2.1	5.4	7.5	00123456●8910	01234●6789
50	17114055	Nguyễn Phan Anh	DH17CB				2.4	3.2	5.6	001234●678910	012345●789
51	17115111	Phạm Bích	DH17GN				2.4	2.1	4.5	00123●5678910	01234●6789
52	17154106	Phạm Xuân	DH17OT				2.8	1.4	4.1	00123●5678910	0●23456789
53	17153074	Phan Nguyễn Trung	DH17CD				2	6	8.0	001234567●910	●123456789
54	17115121	Nguyễn Thị Minh	DH17GB				2.2	3.5	5.7	001234●678910	0123456●89
55	17153075	Lê Quốc	DH17CD			0.3	2.8	7	10	00123456789●	●123456789
56	17115118	Nguyễn Thị Bích	DH17GN				2.3	2.5	4.8	00123●5678910	01234567●9
57	17137075	Lê Khắc	DH17NL				3	1.8	4.8	00123●5678910	01234567●9
58	17118126	Nguyễn Thành	DH17CC				2.1	1.9	4.0	00123●5678910	●123456789
59	17154112	Trần Nguyễn Xuân	DH17OT			1	2.8	6.3	10	00123456789●	●123456789
60	17115127	Tào Minh	DH17CB				2.8	3.2	6.0	0012345●78910	●123456789
61	17115130	Đào Ngọc Mỹ	DH17CB				2.8	3.5	6.2	0012345●78910	01●3456789
62	17115131	Nguyễn Thị Thúy	DH17GN				0.8	/	/	●012345678910	0123456789
63	17118137	Lê Đình	DH17CK				1.9	4.6	6.5	0012345●78910	01234●6789
64	17114068	Lê Thị Nhật	DH17CB				2.5	4.2	6.7	0012345●78910	0123456●89



Mã nhận dạng 02524

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CB_03

Tổ Thi 002_DH17CB_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17115138	Ngô Thị Hồng Xuân	DH17GB				2,6	35	6,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 64 Số sinh viên vắng 1..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 02529

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CKC_0'

Tổ Thi

001_DH17CKC_07

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	Biên		1	2.7	3.5	7.2	00123456●8910	01●3456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	Đô		0.8	1.7	1.1	3.6	0012●45678910	012345●789
3	17118160	Trần Á	Đông	Đông		1	1.7	3.9	6.6	0012345●78910	012345●789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	Hiếu			1.7	1.4	3.1	0012●45678910	0●23456789
5	17118162	Lê Trung	Hiếu	Hiếu			1.9	2.1	4.0	00123●5678910	●123456789
6	17118164	Lê Gia	Hoàng	Hoàng		—	—	—	—	●012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh	Hoàng	Hoàng		1	2.3	4.2	7.5	00123456●8910	01234●6789
8	17118165	Nguyễn Minh	Huy	Huy		1	1.9	2.1	5.0	001234●678910	●123456789
9	17118167	Huỳnh Văn	Khang	Khang			—	—	—	●012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân	Minh	Minh		0.5	1.9	2.1	4.5	00123●5678910	01234●6789
11	17118155	Đặng Anh	Phương	Phương		1	1.7	2.1	4.8	00123●5678910	01234567●9
12	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	Phương		1	2.2	2.8	6.0	0012345●78910	●123456789
13	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	Tiến		1	1.7	2.1	4.8	00123●5678910	01234567●9
14	17118152	Lâm Gia	Tuấn	Tuấn			1.5	1.8	3.3	0012●45678910	012●456789
15	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	Vĩ		1	2.1	3.5	6.6	0012345●78910	012345●789



Mã nhận dạng 02529

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CKC_0'

Tổ Thi 001_DH17CKC_07

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Phan Duy Lam


Nguyễn Thị Hồng Diệp


Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02570

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi **001_DH16CD_01**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Ngày Thi **08/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL			1,0	1,8	6,3	9,1	0012345678910	0123456789
2	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC			0,8	0,2	2,1	3,1	0012345678910	0123456789
3	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK			0,9	0,2	0,7	1,8	0012345678910	0123456789
4	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD			1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
5	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC			1,0	2,0	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
6	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			1,0	1,4	2,6	5,0	0012345678910	0123456789
7	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC			0,8	1,8	2,3	4,9	0012345678910	0123456789
8	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			0,9	0,2	4,7	5,8	0012345678910	0123456789
9	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
10	15153006	Phan Hữu Đăng	DH15CD			0,9	0,2	5,6	6,7	0012345678910	0123456789
11	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			0,9	0,2	3,9	4,9	0012345678910	0123456789
12	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD			0,2	0,0	4,6	4,8	0012345678910	0123456789
13	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD			0,9	1,1	3,9	5,8	0012345678910	0123456789
14	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
15	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC			1,0	0,2	4,6	5,8	0012345678910	0123456789
16	16153039	Đặng Huỳnh	DH16CD			1,0	1,0	3,2	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02570

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118061	Huỳnh Tấn	Hữu	DH16CC		1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
18	14137044	Nguyễn Văn	Ka	DH14NL		0,8	0,2	1,2	2,2	0012345678910	0123456789
19	15153028	Lê Huỳnh	Khang	DH15CD		1,0	1,8	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
20	15137071	Nguyễn Duy	Khanh	DH15NL		0,9	0,8	3,2	4,8	0012345678910	0123456789
21	16118072	Phạm Minh	Khoa	DH16CC						0012345678910	0123456789
22	15153030	Hoàng Văn	Kỳ	DH15CD		1,0	0,4	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
23	15118048	Nguyễn Văn	Lam	DH15CC		1,0	0,2	3,9	5,1	0012345678910	0123456789
24	16118082	Nguyễn Xuân	Lâm	DH16CC		1,0	0,0	4,7	5,7	0012345678910	0123456789
25	16118086	Nguyễn Đại	Lộ	DH16CC		1,0	0,2	3,9	5,1	0012345678910	0123456789
26	16118088	Nguyễn Hoàn Phước	Lộc	DH16CC		0,8	1,8	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
27	15118052	Trào An	Lộc	DH15CC		1,0	0,2	2,3	3,5	0012345678910	0123456789
28	16118090	Nguyễn Tấn	Lợi	DH16CC		1,0	0,0	0,7	1,7	0012345678910	0123456789
29	16118107	Huỳnh Hữu	Nhân	DH16CC		1,0	1,0	3,2	5,2	0012345678910	0123456789
30	16118108	Ngô Quang Đình	Nhân	DH16CC		1,0	1,4	6,0	8,4	0012345678910	0123456789
31	14118048	Bùi Hoàng	Phong	DH14CC		0,2	0,2	0,7	1,1	0012345678910	0123456789
32	15137040	Nguyễn Minh	Phong	DH15NL		1,0	0,2	5,3	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02570

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16118119	Đinh Đình Hoài	Phúc	DH16CC	Phúc	0,9	0,2	1,9	3,0	0012345678910	0123456789
34	16118122	Ngô Văn Nu	Phương	DH16CC	Phu	1,0	1,0	5,6	7,6	0012345678910	0123456789
35	16118123	Nguyễn Tòng	Quân	DH16CC	Qua	0,9	0,2	2,1	3,2	0012345678910	0123456789
36	16118128	Lê Đức	Quy	DH16CC	Quy	1,0	0,8	7,0	8,8	0012345678910	0123456789
37	16118129	Nguyễn Văn	Quý	DH16CC	Quy	1,0	1,8	3,2	6,0	0012345678910	0123456789
38	15137043	Nguyễn Văn	Sang	DH15NL	Sang	0,9	1,6	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
39	16118132	Huỳnh	Son	DH16CC	Son	1,0	1,1	5,3	7,4	0012345678910	0123456789
40	16118134	Nguyễn Duy	Son	DH16CC	Son	1,0	1,8	6,3	9,1	0012345678910	0123456789
41	16118137	Dương Văn	Tài	DH16CC	Dao	1,0	0,2	5,1	6,3	0012345678910	0123456789
42	16153072	Đỗ Tam	Tài	DH16CD	Ta	1,0	0,4	2,3	3,7	0012345678910	0123456789
43	15137048	Nguyễn Đình Nhật	Tân	DH15NL	Tan	1,0	0,8	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
44	14118249	Phạm Châu	Thanh	DH14CK	Pho	1,0	0,7	2,1	3,8	0012345678910	0123456789
45	16118146	Hoàng Văn	Thành	DH16CC	Ho	1,0	0,2	3,9	5,1	0012345678910	0123456789
46	16118152	Đặng Thị Hòa	Thuận	DH16CC	Tue	1,0	1,6	4,4	7,0	0012345678910	0123456789
47	15153064	Nguyễn Hiếu	Thuận	DH15CD	Thua	1,0	0,8	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
48	13153229	Lê Quyết	Tiến	DH13CD						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02570

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi

001_DH16CD_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 16%	Đ2 20%	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15137058	Nguyễn Thành	Tiến			1,0	1,2	5,4	7,6	0012345678910	0123456789
50	15153067	Trương Văn	Tịnh			0,8	0,8	3,2	4,6	0012345678910	0123456789
51	15137061	Hùng Phạm Minh	Trí			1,0	0,8	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
52	15137064	Đỗ Bảo	Trọng			0,8	1,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
53	15137065	Lê	Trung			1,0	0,8	3,2	5,5	0012345678910	0123456789
54	16118164	Đào Thanh	Tú			0,8	0,2	4,2	5,2	0012345678910	0123456789
55	16118189	Nguyễn Anh	Tuấn			0,8	0,2	2,1	3,1	0012345678910	0123456789
56	15137068	Nguyễn Minh	Tuấn			1,0	1,2	4,4	6,6	0012345678910	0123456789
57	15118128	Hoàng Trung	Tướng			0,8	0,2	0,7	1,8	0012345678910	0123456789
58	16118178	Phan Hoàng	Vũ			1,0	0,6	1,4	3,0	0012345678910	0123456789
59	15118135	Bùi Nhật	Vương			1,0	0,2	3,9	5,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 57 Số sinh viên vắng 2

Ngày 12 Tháng 02 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 14/12/2018

TS. Bùi Ngọc Hùng

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 02571

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_02

Tổ Thi

001_DH16NL_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ%	Đ2 Đ%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD			1,0	1,2	4,0	6,2	0012345678910	0123456789
2	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK			0,9	1,8	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
3	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL			1,0	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
4	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			1,0	1,4	6,0	8,4	0012345678910	0123456789
5	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL			1,0	1,6	0,7	3,3	0012345678910	0123456789
6	16137005	Quách Đình Cẩm	DH16NL			1,0	1,0	1,4	3,4	0012345678910	0123456789
7	16153005	Võ Thái Công	DH16CD			1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
8	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD			1,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
9	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			0,2	1,2	2,5	3,9	0012345678910	0123456789
10	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
11	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL			1,0	1,2	3,7	5,9	0012345678910	0123456789
12	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK			1,0	1,6	3,3	5,9	0012345678910	0123456789
13	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			1,0	1,6	2,3	4,9	0012345678910	0123456789
14	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			1,0	1,0	0,9	2,9	0012345678910	0123456789
15	13153093	Phùng Văn Hậu	DH13CD			0,9	0,6	3,9	5,3	0012345678910	0123456789
16	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD			1,0	1,4	2,6	5,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02571

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_02

Tổ Thi

001_DH16NL_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD			1,0	0,6	5,2	6,9	0012345678910	0123456789
18	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			1,0	1,4	3,7	6,1	0012345678910	0123456789
19	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL			1,0	1,6	0,5	3,1	0012345678910	0123456789
20	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD							0012345678910	0123456789
21	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL			0,9	1,6	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
22	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL			1,0	0,8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
23	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			1,0	0,8	4,9	6,7	0012345678910	0123456789
24	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD			0,8	1,0	5,6	7,4	0012345678910	0123456789
25	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD			1,0	1,8	4,4	7,2	0012345678910	0123456789
26	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC			1,0	1,8	0,7	3,5	0012345678910	0123456789
27	16137039	Lê Hoàng Khang	DH16NL			1,0	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
28	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			1,0	1,4	4,0	6,4	0012345678910	0123456789
29	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL			1,0	1,2	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
30	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL			1,0	1,8	4,3	7,7	0012345678910	0123456789
31	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL			1,0	1,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
32	16137046	Lê Quang Lan	DH16NL			1,0	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02571

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_02

Tổ Thi

001_DH16NL_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 16%	Đ2 20%	Điểm thực	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL			1,0	1,2	1,4	3,6	0012345678910	0123456789
34	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD			1,0	1,0	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
35	14153029	Hàng Lực	DH14CD			0,8	1,8	2,1	4,6	0012345678910	0123456789
36	16153060	Lê Nguyên Ngọc	DH16CD			1,0	1,8	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
37	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL			1,0	2,0	5,6	8,6	0012345678910	0123456789
38	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD			1,0	1,9	6,7	9,6	0012345678910	0123456789
39	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD			0,9	2,0	5,6	8,5	0012345678910	0123456789
40	16137061	Cao Minh Phúc	DH16NL			0,9	1,6	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
41	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD			1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
42	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			1,0	0,8	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
43	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL			1,0	1,8	7,0	9,8	0012345678910	0123456789
44	16137066	Đồng Ngọc Sơn	DH16NL			1,0	1,7	1,6	4,3	0012345678910	0123456789
45	16118136	Trần Văn Sự	DH16CK			1,0	1,8	6,7	9,5	0012345678910	0123456789
46	16137069	Đặng Chí Tâm	DH16NL			1,0	1,6	6,0	8,6	0012345678910	0123456789
47	16118141	Lưu Văn Tân	DH16CK			1,0	1,0	0,9	2,9	0012345678910	0123456789
48	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL			1,0	1,2	3,7	5,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02571

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_02

Tổ Thi

001_DH16NL_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thực	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16153083	Võ Trí Thanh	DH16CD			1,0	1,9	6,7	9,6	0012345678●10	012345●789
50	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			1,0	1,4	1,2	3,6	0012●45678910	012345●789
51	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD			1,0	2,0	5,8	8,8	001234567●910	01234567●9
52	16137073	Đoàn Thương Thế	DH16NL			1,0	1,6	7,0	9,6	0012345678●10	012345●789
53	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD			1,0	1,8	5,4	8,2	001234567●910	01●3456789
54	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345●78910	●123456789
55	16118159	Lê Văn Tinh	DH16CC			1,0	1,4	6,3	8,7	001234567●910	0123456●89
56	16118160	Lê Bá Toàn	DH16CC			1,0	1,9	4,9	7,8	00123456●8910	01234567●9
57	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD			1,0	0,6	5,6	7,2	00123456●8910	01●3456789
58	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL			1,0	1,8	4,2	7,0	00123456●8910	●123456789
59	16118165	Đinh Văn Tú	DH16CK			1,0	1,2	2,8	5,0	001234●678910	●123456789
60	13137003	Nguyễn Tuấn	DH13NL			0,6	1,4	4,3	6,9	0012345●78910	012345678●
61	16137092	Phan Văn Tú	DH16NL			1,0	1,6	3,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
62	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL			1,0	1,8	3,0	5,8	001234●678910	01234567●9
63	16137095	Nguyễn Văn Tuấn	DH16NL			1,0	1,6	4,7	7,3	00123456●8910	012●456789
64	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL			1,0	1,6	1,8	4,4	00123●5678910	0123●56789



Mã nhận dạng 02571

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_02

Tổ Thi

001_DH16NL_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	16137097	Trần Quốc Tuấn	DH16NL			0,9	1,2	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
66	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DH16NL			0,8	1,4	4,4	6,6	0012345678910	0123456789
67	16118170	Võ Tường	DH16CC			1,0	1,4	4,9	4,3	0012345678910	0123456789
68	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL			1,0	1,6	1,6	4,2	0012345678910	0123456789
69	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL			1,0	1,6	2,3	4,9	0012345678910	0123456789
70	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD			1,0	1,6	4,0	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 63 Số sinh viên vắng 1....

Ngày 12 Tháng 01 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 03604

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt (207507) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD			4.0		3.0	3.2	0012345678910	0123456789
2	15138002	Bùi Thị Vân	DH15TD			8.5		7.0	7.3	0012345678910	0123456789
3	15138003	Đặng Hoàng	DH15TD			7.0		8.0	7.8	0012345678910	0123456789
4	15138004	Trần Hải	DH15TD			10.0		10.0	10.0	0012345678910	0123456789
5	15138007	Trương Thành	DH15TD			9.0		8.0	8.2	0012345678910	0123456789
6	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD			9.0		8.0	8.2	0012345678910	0123456789
7	15138009	Huỳnh Tuấn	DH15TD			9.0		7.0	7.4	0012345678910	0123456789
8	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ	DH15TD			8.5		10.0	9.7	0012345678910	0123456789
9	15138021	Phạm Thị Thúy	DH15TD			10.0		10.0	10.0	0012345678910	0123456789
10	15138074	Phạm Lê Thanh	DH15TD			4.0		3.0	3.2	0012345678910	0123456789
11	14138011	Nguyễn Chánh	DH14TD			4.0		5.0	4.8	0012345678910	0123456789
12	14138012	Nguyễn Duy	DH14TD			5.0		9.0	8.2	0012345678910	0123456789
13	15138030	Nguyễn Duy	DH15TD							0012345678910	0123456789
14	15138031	Nguyễn Mạnh	DH15TD			9.0		3.0	4.2	0012345678910	0123456789
15	15138033	Lê Võ Trung	DH15TD			8.0		10.0	9.7	0012345678910	0123456789
16	15138041	Trương Đức	DH15TD			9.0		10.0	9.8	0012345678910	0123456789
17	15138042	Vũ Văn	DH15TD			7.0		1.0	2.3	0012345678910	0123456789
18	15138045	Bùi Minh	DH15TD			8.5		3.0	4.1	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt (207507) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15138047	Phạm Thị Đức	Nhon	DH15TD		9.0		10.0	9.8	○○○12345678●10	○1234567●9
20	15138051	Trần Minh	Quang	DH15TD		6.0		5.0	5.2	○○○1234●678910	○1●3456789
21	15138049	Nguyễn Hoàng	Quân	DH15TD						●○○12345678910	○123456789
22	15138053	Vũ Tiến	Sang	DH15TD		6.0		8.0	7.6	○○○123456●8910	○12345●789
23	15138056	Dương Thành	Tâm	DH15TD		9.0		6.0	6.6	○○○12345●78910	○12345●789
24	15138058	Lê Quốc	Thái	DH15TD		5.0		1.0	1.8	○○●12345678910	○1234567●9
25	15138059	Phạm Hồng	Thái	DH15TD		9.0		9.0	9.0	○○○12345678●10	●123456789
26	15138062	Nguyễn Hữu	Thiên	DH15TD		9.0		8.0	8.2	○○○1234567●910	○1●3456789
27	15138063	Trần Duy	Thiệu	DH15TD		9.0		10.0	9.8	○○○12345678●10	○1234567●9
28	15138064	Nguyễn Phước Toàn	Thịnh	DH15TD		9.0		6.0	6.6	○○○12345●78910	○12345●789
29	15138065	Nguyễn Tấn	Thịnh	DH15TD		0.0		5.0	4.0	○○○123●5678910	●123456789
30	15138066	Nguyễn Minh	Thoại	DH15TD		7.0		1.0	2.2	○○○1●345678910	○1●3456789
31	15138067	Nguyễn Đình	Thông	DH15TD						●○○12345678910	○123456789
32	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	Trọng	DH15TD		4.0		5.0	4.8	○○○123●5678910	○1234567●9
33	13138023	Trần Văn	Vượng	DH15TD		8.0		10.0	9.6	○○○12345678●10	○12345●789

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Ngày in : 14/12/2018 14:27

Lê Văn Tâm

Lê Quang Hiền



Mã nhận dạng 02596

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi 14/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD			6,5	7,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
2	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			4,0	8,0	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
3	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			5,0	7,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
4	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			3,0	0,0	4,5	3,3	0012345678910	0123456789
5	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			4,0	8,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
6	16153005	Võ Thái Công	DH16CD			8,0	7,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
7	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			4,0	8,0	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
8	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			5,0	8,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
9	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			7,5	7,0	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
10	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD			9,0	7,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
11	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			4,5	8,0	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
12	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD			10	7,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
13	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD			4,0	7,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
14	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			5,0	8,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
15	16138017	Vi Văn Đạt	DH16TD			3,5	8,0	4,0	4,7	0012345678910	0123456789
16	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD			6,5	8,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02596

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi 001_DH16TD_02

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 14/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD			6,0	7,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
18	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD			8,5	8,0	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
19	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD			9,5	8,0	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
20	16138029	Lê Nhựt Hào	DH16TD			9,0	7,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
21	16138030	Nguyễn Văn Hào	DH16TD			4,0	8,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
22	16138031	Nguyễn Thị Tú Hào	DH16TD			9,5	7,0	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
23	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD			6,0	7,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
24	16138033	Ngô Đăng Hiệp	DH16TD			7,0	8,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
25	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD			5,5	7,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
26	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD			6,5	0,0	3,0	3,1	0012345678910	0123456789
27	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD			9,0	7,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
28	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD			10	7,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
29	16138048	K'Pă Krim	DH16TD			3,0	7,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
30	16138051	Dương Thị Mỹ Linh	DH16TD			5,0	8,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
31	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD			5,0	7,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
32	16138056	Nguyễn Mai	DH16TD			7,5	8,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02596

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi 14/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16138058	Phạm Đăng Hoài	Nam	DH16TD		6,5	7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
34	16138059	Võ Hoàng	Nam	DH16TD		7,0	7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
35	16138060	Phạm Hoài	Nghi	DH16TD		6,5	8,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
36	16138067	Trần Văn	Phương	DH16TD		7,0	7,0	1,0	3,4	0012345678910	0123456789
37	16138069	Nguyễn Minh	Quang	DH16TD		2,5	7,0	3,5	4,0	0012345678910	0123456789
38	16153072	Đỗ Tam	Tài	DH16CD		5,5	7,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
39	16138073	Nguyễn Ngọc	Tâm	DH16TD		7,0	8,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
40	16153080	Phạm Đình	Thái	DH16CD		9,0	7,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
41	16138076	Trần Đình	Thanh	DH16TD		3,0	8,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
42	16153083	Võ Trí	Thanh	DH16CD		10	7,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
43	16153085	Huỳnh Công	Thành	DH16CD		4,0	7,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
44	16138075	Nguyễn Sơn	Thắng	DH16TD		8,5	8,0	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
45	16138079	Lê	Thế	DH16TD		5,5	8,0	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
46	16138081	Đặng Anh	Thông	DH16TD		4,0	8,0	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
47	16153093	Nguyễn Lê	Tinh	DH16CD		5,0	7,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
48	16153096	Huỳnh Văn	Trọng	DH16CD		9,0	7,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02596

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi 14/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16138093	Trần Quốc Việt	DH16TD			90%	90%	4,0	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 49 Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Ngọc

Cao Đức Lợi

Lê Văn Bình

Lê Quang Hiền



Mã nhận dạng 02597

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH15CD_01

Tổ Thi 001_DH15CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 17/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153042	Tạ Văn	DH13CD			3,0	5,0	2,0	2,8	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
4	15153005	Mai Tuấn	DH15CD			7,5	7,0	7,5	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
5	15153007	Lê Công	DH15CD			7,5	7,0	1,0	3,5	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	15153013	Nguyễn Trường	DH15CD			5,0	7,0	4,0	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
7	14153010	Trần Vũ Anh	DH14CD			0,0	0,0	2,0	1,2	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
8	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			6,5	7,0	4,0	5,1	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
9	16153014	Lê Văn	DH16CD			5,0	7,0	7,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
10	15153008	Lê Bá Tiến	DH15CD			5,5	10,0	4,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
11	15138013	Phạm Thành	DH15TD			0,0	5,0	1,0	1,6	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
12	15138011	Quách Tiến	DH15TD			5,0	10,0	7,0	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
13	15138008	Huỳnh Tuấn Hải	DH15TD			8,5	7,0	7,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
14	15153006	Phan Hữu	DH15CD			7,0	7,0	4,0	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
15	15153010	Nguyễn Tấn	DH15CD			1,0	4,0	1,5	1,9	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
16	15153012	Huỳnh	DH15CD			7,5	6,5	7,5	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02597

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH15CD_01

Tổ Thi 001_DH15CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 17/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153015	Lê Cảnh Trường	Giang	DH15CD		90	90			●0012345678910	00123456789
18	15153016	Sân Thanh	Hải	DH15CD	1	4,0	7,0	6,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
19	15153017	Trịnh Văn	Hải	DH15CD		3,0	7,0	4,5	4,7	00123●5678910	00123456●89
20	15153019	Nguyễn Nhựt	Hào	DH15CD		5,5	7,0	2,5	4,0	00123●5678910	●123456789
21	15138022	Huỳnh Thanh	Hiền	DH15TD		3,0	7,0	4,0	4,4	00123●5678910	00123●56789
22	14153015	Đặng Đình	Hiệp	DH14CD		3,0	7,0	1,5	2,9	001●345678910	0012345678●
23	15138025	Bùi Trọng	Hiếu	DH15TD		3,0	7,0	5,5	5,3	001234●678910	0012●456789
24	15153023	Lê Trung	Hiếu	DH15CD						●0012345678910	00123456789
25	15153025	Nguyễn Minh	Hiếu	DH15CD		8,0	6,0	2,5	4,3	00123●5678910	0012●456789
26	15138074	Phạm Lê Thanh	Hòa	DH15TD		5,5	7,0	2,0	3,7	0012●45678910	00123456●89
27	15138026	Ngô Văn	Hoàn	DH15TD		6,5	4,0	7,5	6,6	0012345●78910	0012345●789
28	15138030	Nguyễn Duy	Kha	DH15TD		3,0	7,0	7,0	6,2	0012345●78910	001●3456789
29	15138031	Nguyễn Mạnh	Khải	DH15TD		8,0	7,0	6,5	6,9	0012345●78910	0012345678●
30	15153029	Phạm Duy	Khánh	DH15CD		6,5	7,0	6,0	6,3	0012345●78910	0012●456789
31	16138048	K'Pă	Krim	DH16TD		3,0	6,5	3,0	3,7	0012●45678910	00123456●89
32	15153030	Hoàng Văn	Kỳ	DH15CD		3,0	7,0	1,5	2,9	001●345678910	0012345678●



Mã nhận dạng 02597

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH15CD_01

Tổ Thi 001_DH15CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 17/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT202 60%

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	Lâm	DH14TD		8,5	7,5	9,0	8,6	001234567●910	012345●789
34	14138017	Trần Đức	Lâm	DH14TD		7,5	5,0	8,5	7,6	00123456●8910	012345●789
35	15138035	Phạm Hồng	Linh	DH15TD						●012345678910	0123456789
36	15153033	Phạm Văn	Long	DH15CD		4,5	10,0	5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
37	15153034	Trần Minh	Long	DH15CD		7,5	7,0	7,0	7,1	00123456●8910	0●23456789
38	15138037	Phạm	Lộc	DH15TD		7,5	7,0	7,0	7,1	00123456●8910	0●23456789
39	15153032	Huỳnh Tấn	Lợi	DH15CD		6,5	10,0	7,0	7,5	00123456●8910	01234●6789
40	15153037	Lê Đức	Mạnh	DH15CD		7,5	10,0	9,0	8,9	001234567●910	012345678●
41	13153014	Trịnh Đình	Minh	DH13CD		3,5	7,0	3,5	4,2	00123●5678910	01●3456789
42	15138041	Trương Đức	Minh	DH15TD		8,5	7,0	6,0	6,7	0012345●78910	0123456●89
43	14138068	Võ Lê Hoài	Nam	DH14TD		7,5	8,5	6,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
44	15153040	Hồ Văn	Nghĩa	DH15CD		6,0	7,0	9,0	8,0	001234567●910	●123456789
45	14138020	Lê	Nghiêm	DH14TD		8,5	7,0	6,0	6,7	0012345●78910	0123456●89



Mã nhận dạng 02597

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH15CD_01** Tổ Thi **001_DH15CD_01** Tên CBGD **Lê Quang Hiền**
Ngày Thi **17/01/2019** Giờ Thi **14:45** Phòng Thi **CT202**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **40** Số sinh viên vắng **5**...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

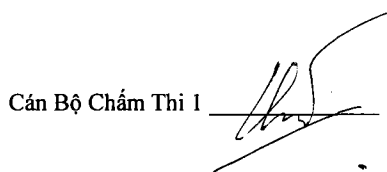
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


N.V. Kiệp


Lê Văn Tuấn


Lê Vũ Đan


Lê Quang Hiền



Mã nhận dạng 02598

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH15CD_01

Tổ Thi 002_DH15CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 17/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD	<i>nh</i>		6,0	7,5	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
2	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD	<i>Ph</i>		5,0	7,0	2,0	3,6	0012●45678910	012345●789
3	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD	<i>Ph</i>		5,0	7,0	1,0	3,0	0012●45678910	●123456789
4	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD	<i>Tr</i>		3,5	7,0	2,5	3,6	0012●45678910	012345●789
5	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD	<i>Ng</i>		8,5	7,0	8,0	7,9	00123456●8910	012345678●
6	15138049	Nguyễn Hoàng Quân	DH15TD							●012345678910	0123456789
7	15153052	Nguyễn Trung Minh Quân	DH15CD	<i>Qu</i>		4,0	5,0	3,0	3,6	0012345678910	0123456789
8	15138052	Nguyễn Quốc Quyền	DH15TD							●012345678910	0123456789
9	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD	<i>Tr</i>		4,0	5,0	1,0	2,4	001●345678910	0123●56789
10	14138085	Lê Hữu Tài	DH14TD	<i>L</i>		8,5	8,5	9,0	8,8	001234567●910	01234567●9
11	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD	<i>Tr</i>		4,0	7,0	4,0	4,6	00123●5678910	012345●789
12	15153057	Đỗ Thành Tâm	DH15CD	<i>Đ</i>		10,0	7,0	7,0	7,6	00123456●8910	012345●789
13	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD							●012345678910	0123456789
14	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD							●012345678910	0123456789
15	15138059	Phạm Hồng Thái	DH15TD	<i>Ph</i>		8,0	10,0	6,0	7,2	00123456●8910	01●3456789
16	15153062	Lâm Minh Thi	DH15CD	<i>L</i>		6,5	7,0	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9



Mã nhận dạng 02598

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH15CD_01

Tổ Thi 002_DH15CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 17/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD			4,5	7,0	6,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
18	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD							●012345678910	0123456789
19	15153064	Nguyễn Hiếu Thuận	DH15CD			4,5	7,0	4,0	4,7	00123●5678910	0123456●89
20	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD							●012345678910	0123456789
21	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD							●012345678910	0123456789
22	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD			6,0	9,0	4,0	4,8	00●2345678910	01234567●9
23	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD			4,0	7,0	4,5	3,1	0012●45678910	0●23456789
24	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD							●012345678910	0123456789
25	15153072	Võ Văn Truyền	DH15CD			5,0	7,0	6,0	6,0	0012345●78910	●123456789
26	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD			3,5	6,0	3,5	4,0	00123●5678910	●123456789
27	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			5,0	6,0	3,0	4,0	00123●5678910	●123456789
28	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			3,0	7,0	4,5	4,7	00123●5678910	0123456●89
29	13138341	Trần Anh Văn	DH13TD			2,0	5,0	1,0	2,0	001●345678910	●123456789
30	13153029	Trần Văn Vị	DH13CD			4,0	7,0	2,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
31	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD			6,0	7,0	6,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
32	12153164	Võ Xuân Vinh	DH12CD			5,0	6,0	3,0	4,0	00123●5678910	●123456789



Mã nhận dạng 02598

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH15CD_01

Tổ Thi 002_DH15CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 17/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			20	20	3,5	2,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 25. Số sinh viên vắng 8....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ng. Võ Ngọc Thạch

Phan Minh Hiền

Lê Văn Nam

Lê Quang Hiền



Mã nhận dạng 02604

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH16NL_01**

Tổ Thi **001_DH16NL_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15153002	Dương Ngọc	Bảo	DH15CD	V					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118102	Hồ Chí	Bảo	DH14CK	<i>Ho</i>	7.0	7.0	5.5	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14154003	Nguyễn Chí	Bảo	DH14OT	V					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118108	Trần Văn	Bồn	DH14CK	<i>Tr</i>	3.0	7.0	1.0	2.6	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
5	15118007	Lâm Quang	Chiến	DH15CC	<i>LM</i>	2.0	7.0	1.0	2.4	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
6	14118114	Thái Văn	Chiến	DH14CC	<i>TV</i>	4.0	7.0	5.0	5.2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
7	14154080	Nguyễn Hoàng	Diễn	DH14OT	V					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118128	Nguyễn Văn	Duy	DH14CK	<i>Duy</i>	5.0	6.0	1.0	2.8	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
9	17118025	Nguyễn Mậu	Dương	DH17CC	<i>MM</i>	5.0	5.0	2.0	3.2	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
10	14118017	Nguyễn Thanh	Diễn	DH14CK	<i>NT</i>	3.0	8.0	2.0	3.4	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
<i>108</i> <i>60</i>	16153020	Lê Kim	Hải	DH16CD	V					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
<i>12</i>	14154017	Lê Minh	Hải	DH14OT	V	<i>5,0</i>	<i>7,5</i>	<i>2,5</i>	<i>4,0</i>	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	16154027	Ngô Trần Nhựt	Hào	DH16OT	<i>NTN</i>	0.0	7.0	3.0	3.2	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
14	15154021	Nguyễn Trung	Hậu	DH15OT	<i>NT</i>	8.0	7.0	4.0	5.4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
15	16153027	Hán Tấn	Hiếu	DH16CD	<i>HT</i>	5.0	9.5	8.5	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	15118034	Hoàng Anh	Hiếu	DH15CC	<i>HA</i>	5.0	7.0	9.0	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9

Vàng
Có Thẻ
HS



Mã nhận dạng 02604

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Phương pháp số(207615)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_01

Tổ Thi 001_DH16NL_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV302/66

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD	V						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT	Huy		9.0	8.5	9.0	8.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
19	16153034	Nguyễn Mạnh Hùng	DH16CD	V						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	16154044	Chu Phúc Huy	DH16OT	Huy		3.0	6.0	4.0	4.2	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
21	17454001	Đặng Văn Huy	LT17OT	Huy		3.0	9.5	5.5	5.8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
22	14154100	Nguyễn Đức K	DH14OT	K		7.0	9.0	6.0	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
23	16154051	Vũ Văn Huy	DH16OT	Huy		5.0	6.0	1.0	2.8	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
24	14137044	Nguyễn Văn V	DH14NL	V		9.0	0.0	10.0	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
25	17137035	Đặng Quốc K	DH17NL	K		4.0	7.0	4.0	4.6	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
26	16154055	Y-Nhĩng K	DH16OT	K		4.0	7.0	4.0	4.6	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
27	14118190	Huỳnh Công Z	DH14CK	Z		5.0	8.0	2.0	3.8	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
28	14154032	Nguyễn Văn Hoàng	DH14OT	V						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118204	Trương Thanh	DH13CK	V						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	17454002	Lê Quý C	LT17OT	C		5.0	7.0	7.0	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
31	15118066	Hoàng Văn	DH15CK	V						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14153032	Nguyễn Thanh	DH14CD	Nam		5.0	6.0	3.0	4.0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02604

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH16NL_01**

Tổ Thi **001_DH16NL_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17454003	Trần Hữu Nghĩa	LT17OT			2.0	8.0	0.5	2.3	0010345678910	0120456789
34	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK			10.0	7.0	3.5	5.5	0012340678910	0123406789
35	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			5.0	6.5	4.5	5.0	0012340678910	0123456789
36	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC			5.0	8.0	1.5	3.5	0012045678910	0123406789
37	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			7.0	6.0	1.5	3.5	0012045678910	0123406789
38	17454004	Trần Hoàng Phi	LT17OT							0012345678910	0123456789
39	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT			7.0	9.0	4.5	5.9	0012340678910	0123456780
40	17454005	Hồ Vũ Quát	LT17OT			3.0	6.0	2.5	3.3	0012045678910	0120456789
41	17454006	Huỳnh Lê Sang	LT17OT			3.0	9.0	7.0	6.6	0012345078910	0123450789
42	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT							0012345678910	0123456789
43	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			4.0	8.5	0.5	2.8	0010345678910	0123456709
44	16154094	Nguyễn Chí Thiện	DH16OT							0012345678910	0123456789
45	17454007	Trần Huỳnh Tiến	LT17OT			6.0	9.0	8.5	8.1	0012345670910	0023456789
46	17454008	Đặng Quốc Trí	LT17OT			3.0	6.0	1.0	2.4	0010345678910	0123056789
47	14137085	Đinh Thành Trọng	DH14NL							0012345678910	0123456789
48	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			8.0	0.0	3.0	3.4	0012045678910	0123056789



Mã nhận dạng 02604

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16NL_01**

Tổ Thi **001_DH16NL_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17454009	Trần Quý	Trọng	Trần Quý		5.0	9.0	1.5	3.7	0012345678910	0123456789
50	13153246	Từ Sỹ	Trung	V						0012345678910	0123456789
51	14118294	Nguyễn Phi	Trường	Nguyễn Phi		4.0	8.0	0.5	2.7	0012345678910	0123456789
52	14137089	Đinh Như	Tuấn	Đinh Như		3.0	9.5	4.0	4.9	0012345678910	0123456789
53	16154108	Nguyễn Hoàng	Tùng	V						0012345678910	0123456789
54	16118179	Nguyễn Minh	Vương	Nguyễn Minh		7.0	8.0	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
55	14118315	Trần Bá	Vương	Trần Bá		3.0	6.5	3.0	3.7	0012345678910	0123456789
56	17454010	Đặng Đình	Vý	Đặng Đình		3.0	9.5	4.5	5.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4 Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Cao Đức Lợi

Lê Văn Bân

Lê Quang Hiền

Ngày in : 14/12/2018

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot (207630) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138002	Bùi Thị Vân Anh	DH15TD			9,0		7,5	7,8	○○○123456●8910	○1234567●9
2	15138004	Trần Hải Bảo	DH15TD			9,0		9,0	9,0	○○○12345678●10	●123456789
3	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD			10		6,0	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
4	15138020	Võ Hải Duy	DH15TD			10		7,0	7,6	○○○123456●8910	○12345●789
5	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD			9,0		7,0	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
6	15138011	Quách Tiến Đạt	DH15TD			8,0		6,0	6,4	○○○12345●78910	○123●56789
7	15138008	Huỳnh Tuấn Hải Đăng	DH15TD			10		8,0	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
8	15138014	Trương Công Định	DH15TD			8,0		6,5	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
9	15138021	Phạm Thị Thúy Hằng	DH15TD			8,0		7,0	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
10	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD			9,0		2,0	3,4	○○○12●45678910	○123●56789
11	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng Lâm	DH14TD			9,0		8,5	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
12	15138039	Nguyễn Hồ Tấn Lực	DH15TD			10		6,5	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
13	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD			10		7,0	7,6	○○○123456●8910	○12345●789
14	15138042	Vũ Văn Minh	DH15TD			10		3,0	4,4	○○○123●5678910	○123●56789
15	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD			9,0		8,0	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
16	15138047	Phạm Thị Đức Nhơn	DH15TD			9,0		9,0	9,0	○○○12345678●10	●123456789
17	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			6,0		3,0	3,6	○○○12●45678910	○12345●789
18	15138058	Lê Quốc Thái	DH15TD							●○○12345678910	○123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi ~~X~~

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi

Cán bộ chấm thi 2

Ums
Lê Quang Hiến

De  van  van

6 Quang Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot (207630) - 02

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15138003	Đặng Hoàng Anh	DH15TD			10		6,0	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
2	15138006	Nguyễn Văn Bình	DH15TD			10		6,5	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
3	15138007	Trương Thành Cua	DH15TD			10		6,5	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
4	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD			10		9,0	9,2	○○○12345678●10	○1●3456789
5	15138017	Hồ Thanh Dương	DH15TD			10		9,5	9,6	○○○12345678●10	○12345●789
6	15138009	Huỳnh Tuấn Đặng	DH15TD			9,0		6,5	7,0	○○○123456●8910	●123456789
7	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ Đức	DH15TD			8,0		8,0	8,0	○○○1234567●910	●123456789
8	15138022	Huỳnh Thanh Hiền	DH15TD			10		6,5	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
9	15138024	Trần Như Hiền	DH15TD			9,0		6,0	6,6	○○○12345●78910	○12345●789
10	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD			8,0		6,5	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
11	15138026	Ngô Văn Hoàn	DH15TD			9,0		7,5	7,8	○○○123456●8910	○1234567●9
12	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			9,0		4,0	5,0	○○○1234●678910	●123456789
13	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD			8,0		4,0	4,8	○○○123●5678910	○1234567●9
14	15138032	Nguyễn Văn Khế	DH15TD			10		9,5	9,6	○○○12345678●10	○12345●789
15	15138033	Lê Võ Trung Kiên	DH15TD			8,0		9,0	8,8	○○○1234567●910	○1234567●9
16	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			8,0		2,0	3,2	○○○12●45678910	○1●3456789
17	15138037	Phạm Lộc	DH15TD			10		7,5	8,0	○○○1234567●910	●123456789
18	14138021	Trần Duy Nhân	DH14TD			9,0		5,0	5,8	○○○1234●678910	○1234567●9

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

Cán bộ chấm thi 2

6 Đương Hiến



Mã nhận dạng 02616

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi

001_DH15OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	Anh			7	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
2	15154006	K"	Bùng	Bùng			7	5	5,6	0012345678910	0123456789
3	13154081	Lê Ngọc	Châu	Châu			7	7	7	0012345678910	0123456789
4	15154008	Nguyễn Hữu	Chung	Chung			8	6	6,6	0012345678910	0123456789
5	15154009	Đoàn Văn	Cường	Cường			9	8	8,3	0012345678910	0123456789
6	15154010	Lê Minh	Đạt	Đạt			7	5,5	6	0012345678910	0123456789
7	14154012	Nguyễn Tuấn	Đạt	Đạt			8	5	5,9	0012345678910	0123456789
8	15154013	Nguyễn Bình	Đông	Đông			8	8	8	0012345678910	0123456789
9	15154016	Huỳnh Quang	Đường	Đường			8	8	8	0012345678910	0123456789
10	15154017	Huỳnh Thanh	Giang	Giang			8	6	6,6	0012345678910	0123456789
11	15154018	Lê Trường	Giang	Giang			8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
12	13154015	Nguyễn Tấn	Hải	Hải			9	7	7,6	0012345678910	0123456789
13	15154021	Nguyễn Trung	Hậu	Hậu			7	7	7	0012345678910	0123456789
14	15154022	Phan Phước	Hiền	Hiền			7	6	6,3	0012345678910	0123456789
15	14154018	Trần Bá	Hiền	Hiền			7	5	5,6	0012345678910	0123456789
16	14154019	Lê Minh	Hiếu	Hiếu			7	3	4,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02616

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi

001_DH15OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17454001	Đặng Văn Huy	LT17OT	Huy			8	7	7,3	0012345678910	0123456789
18	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT	Huy			8	6	6,6	0012345678910	0123456789
19	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT	Huy			7	8	7,7	0012345678910	0123456789
20	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT	Khánh			7	6	6,3	0012345678910	0123456789
21	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT	Khánh			8	8	8	0012345678910	0123456789
22	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT	Linh			7	7	7	0012345678910	0123456789
23	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT	Linh			7	7	7	0012345678910	0123456789
24	17454002	Lê Quý Mến	LT17OT	Q			8	8	8	0012345678910	0123456789
25	13154039	Nguyễn Văn Nghia	DH13OT	Nghia			8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
26	17454003	Trần Hữu Nghia	LT17OT	Nghia			8	8	8	0012345678910	0123456789
27	17454004	Trần Hoàng Phi	LT17OT	Phi	Vang		00	00	00	0012345678910	0123456789
28	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT	Phong			8	9	8,7	0012345678910	0123456789
29	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT	Phong			8	7	7,3	0012345678910	0123456789
30	17454005	Hồ Vũ Quát	LT17OT	Quat			8	8	8	0012345678910	0123456789
31	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT	Quy			7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
32	17454006	Huỳnh Lê Sang	LT17OT	Sang			7	9	8,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02616

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi

001_DH15OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
34	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT				8	4	5,2	0012344●678910	01●3456789
35	15154045	Trần Suker	DH15OT				9	9	9	0012345678●10	●123456789
36	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT				8	4	5,2	0012344●678910	01●3456789
37	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
38	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT				8	8	8	001234567●910	●123456789
39	15154053	Son Ngọc Thắng	DH15OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
40	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
41	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH15OT				8	6	6,6	0012345●78910	012345●789
42	14154059	Phạm Văn Thức	DH14OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
43	17454007	Trần Huỳnh Tiến	LT17OT				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
44	17454008	Đặng Quốc Trí	LT17OT				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
45	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT				8	8	8	001234567●910	●123456789
46	17454009	Trần Quý Trọng	LT17OT				8	6	6,6	0012345●78910	012345●789
47	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT				8	9	8,7	001234567●910	0123456●89
48	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT				8	5	5,9	0012344●678910	012345678●



Mã nhận dạng 02616

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi

001_DH15OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
50	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT				7	6	6,3	0012345678910	0123456789
51	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
52	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT				7	6	6,3	0012345678910	0123456789
53	17454010	Đặng Đình Vy	LT17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 53 Số sinh viên vắng ... 01

Ngày 20 Tháng 02 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 03615

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT	Anh		8		7	7,3	001234568910	012456789
2	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT	Trọng		9		8	8,3	001234567910	012456789
3	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT	Quốc		8		8	8	001234567910	123456789
4	15154006	K"	DH15OT	Bùng		7		7	7	001234568910	123456789
5	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT	Châu		7		7	7	001234568910	123456789
6	15154007	Nguyễn Xuân Chính	DH15OT	Chính		8		9	8,7	001234567910	012345689
7	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT	Chung		8		7	7,3	001234568910	012456789
8	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT	Cường		8		8	8	001234567910	123456789
9	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT	Duy		7		7	7	001234568910	123456789
10	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT	Minh		7		7	7	001234568910	123456789
11	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT	Đạt		7		7	7	001234568910	123456789
12	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT	Bình		7		7	7	001234568910	123456789
13	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT	Đông		8		7	7,3	001234568910	012456789
14	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT	Quang		7		7	7	001234568910	123456789
15	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT	Thanh		7		7	7	001234568910	123456789
16	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT	Trường		7		5	5,6	001234678910	012345789
17	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT	Tấn		9		8	8,3	001234567910	012456789
18	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT	Trung		6		00	1,8	002345678910	012345679



Mã nhận dạng 03615

Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT			8		7	7,3	0012345678910	0123456789
20	14154018	Trần Bá Hiến	DH14OT			8		7,5	7,7	0012345678910	0123456789
21	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
22	17454001	Đặng Văn Huy	LT17OT			8		7	7,3	0012345678910	0123456789
23	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
24	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
25	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT			7		8	7,7	0012345678910	0123456789
26	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
27	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			7		6,5	6,7	0012345678910	0123456789
28	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
29	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT			7		6	6,3	0012345678910	0123456789
30	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
31	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
32	17454002	Lê Quý Mến	LT17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
33	17454003	Trần Hữu Nghĩa	LT17OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
34	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
35	15154036	Võ Khắc Hoàn Nhân	DH15OT			7		7	7	0012345678910	0123456789
36	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT			8		7,5	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03615

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	17454004	Trần Hoàng Phi	LT170T	<i>Trần Hoàng Phi</i>		00		00	00	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14154133	Trương Thái Phi	DH140T	<i>Trương Thái Phi</i>		7		5	5,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	15154038	Đặng Thanh Phong	DH150T	<i>Đặng Thanh Phong</i>		7		6	6,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH150T	<i>Nguyễn Thanh Phong</i>		7		7	7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	17454005	Hồ Vũ Quát	LT170T	<i>Hồ Vũ Quát</i>		9		9	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH150T	<i>Nguyễn Minh Nhật</i>		7		6	6,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	17454006	Huỳnh Lê Sang	LT170T	<i>Huỳnh Lê Sang</i>		8		8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH150T	<i>Nguyễn Thanh Sang</i>		7		8	7,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH150T	<i>Đặng Hoàng Sơn</i>		9		8	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH150T	<i>Nguyễn Võ Hoàng Sơn</i>		8		7	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	15154045	Trần Suker	DH150T	<i>Trần Suker</i>		9		8,5	8,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	15154046	Đào Tuấn Tài	DH150T	<i>Đào Tuấn Tài</i>		8		8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH150T	<i>Nguyễn Phúc Tâm</i>		8		7	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH140T	<i>Hoàng Ngọc Tấn</i>		8		7	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH150T	<i>Nguyễn Duy Thái</i>		8		7	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	14154142	Trương Quang Thanh	DH140T	<i>Trương Quang Thanh</i>		8		6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH150T	<i>Nguyễn Văn Thảo</i>		8		5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	15154053	Son Ngọc Thắng	DH150T	<i>Son Ngọc Thắng</i>		8		5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03615



Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kiểm định và chẩn đoán Ôtô (207710) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	--------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	------------------	------------

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

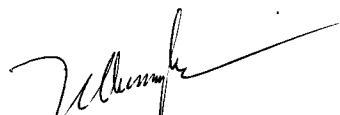
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Điện


Lê Quang Tiến


Lê Văn Điện


Lê Quang Tiến



Mã nhận dạng 03615



Trang 4/5



Mã nhận dạng 03615



Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ôtô (207725) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT			9		5,0	6,6	0012345●78910	012345●789
2	15154006	K"	DH15OT			9		8,0	8,4	001234567●910	0123●56789
3	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT			9		6,0	7,2	00123456●8910	01●3456789
4	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT			9		4,0	6,0	0012345●78910	●123456789
5	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT			9		7,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
6	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT			9		7,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
7	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT			9		5,0	6,6	0012345●78910	012345●789
8	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT			9		5,0	6,6	0012345●78910	012345●789
9	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT			9		5,0	6,6	0012345●78910	012345●789
10	13154015	Nguyễn Tấn Hải	DH13OT			8,0		4,0	5,6	001234●678910	012345●789
11	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT			3,9		3,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
12	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			5,0		7,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
13	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			9		7,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
14	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT			9		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
15	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT			9		8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
16	15154036	Võ Khắc Hoàn Nhân	DH15OT			9		8,0	8,4	001234567●910	0123●56789
17	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT			9		7,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
18	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT			9		7,0	7,8	00123456●8910	01234567●9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			9		8,0	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
20	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT			9		5,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
21	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT			9		7,0	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
22	15154045	Trần Suker	DH15OT			9		9,0	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT			9		5,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
24	15154053	Sơn Ngọc Thắng	DH15OT			9		7,0	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
25	15154060	Nguyễn Công Tinh	DH15OT			9		8,0	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT			9		8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
27	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT			9		8,0	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
28	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT			3,9		3,0	3,4	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
29	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT			9		8,0	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
30	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT			9		7,0	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨

Số lượng vắng: ○○

Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Trí

Lê Văn Hiến

Nguyễn Văn Tuấn

Lê Quang Trí

Lê Văn Hiến



Mã nhận dạng 03618

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 03

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT			9		8,5	8.7	001234567●910	0123456●89
2	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT			9		8,0	8.4	001234567●910	0123●56789
3	15154007	Nguyễn Xuân Chính	DH15OT			9		7,0	7.8	00123456●8910	01234567●9
4	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			3,9		3,0	3.4	0012●45678910	0123●56789
5	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT			3,9		3,0	3.4	0012●45678910	0123●56789
6	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT			9		7,0	7.8	00123456●8910	01234567●9
7	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT			9		6,0	7.2	00123456●8910	01●3456789
8	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT			9		6,0	7.2	00123456●8910	01●3456789
9	14154018	Trần Bá Hiến	DH14OT			9		7,0	7.8	00123456●8910	01234567●9
10	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			9		7,0	7.8	00123456●8910	01234567●9
11	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT			9		7,5	8.1	001234567●910	0●23456789
12	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT			9		7,0	7.8	00123456●8910	01234567●9
13	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT			9		7,0	7.8	00123456●8910	01234567●9
14	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT			9		9,0	9.0	0012345678●10	●123456789
15	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT			9		7,0	7.8	00123456●8910	01234567●9
16	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT			9		8,0	8.4	001234567●910	0123●56789
17	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT			9		8,5	8.7	001234567●910	0123456●89
18	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT			9		7,5	8.1	001234567●910	0●23456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 03

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT			9		7,0	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
20	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT			9		6,5	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT			9		7,0	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
22	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT			9,5		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
23	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT			9		7,0	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
24	14154059	Phạm Văn Thức	DH14OT			9		7,0	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
25	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT			9		8,0	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
26	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT			9		5,0	6-6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
27	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT			9		7,0	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
28	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			9		9,0	9.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Quang Trí


Lê Văn Tiêm

Frank
M. T. Ogden

Cà Quang Trị


Lê Văn Điền